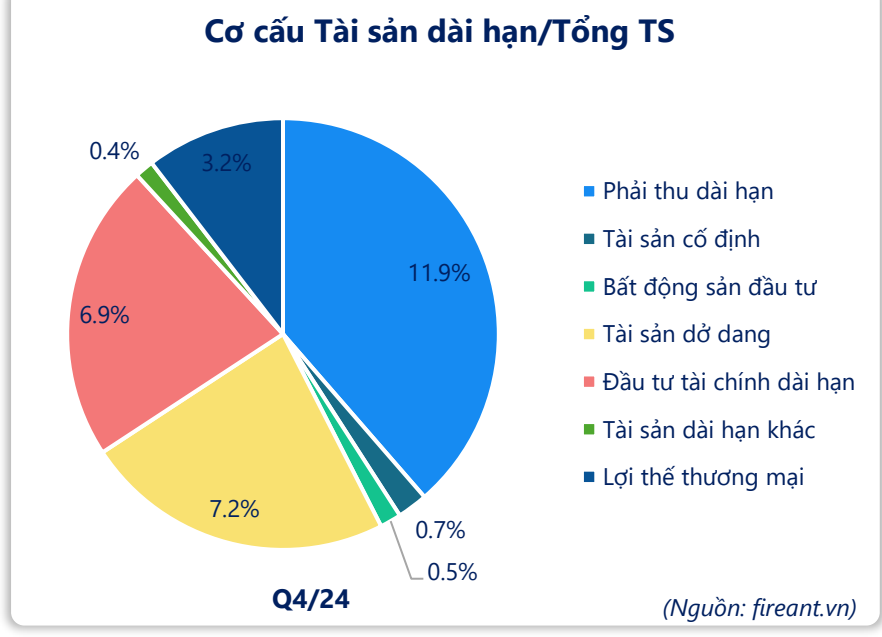
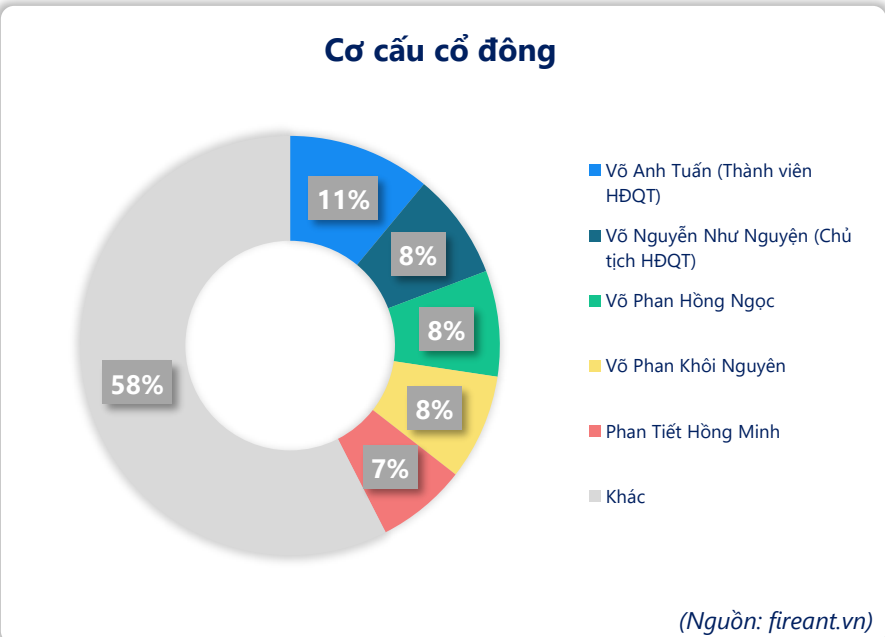
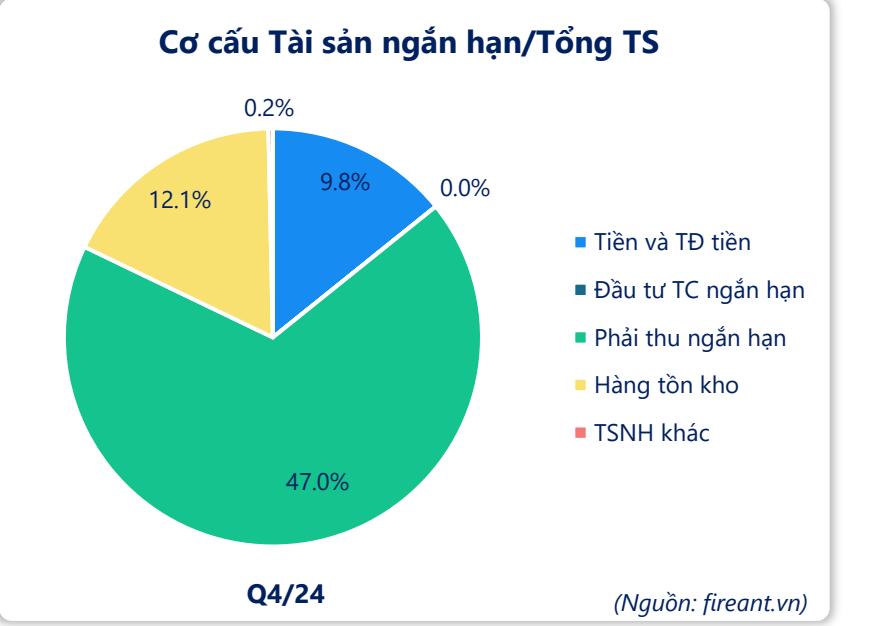
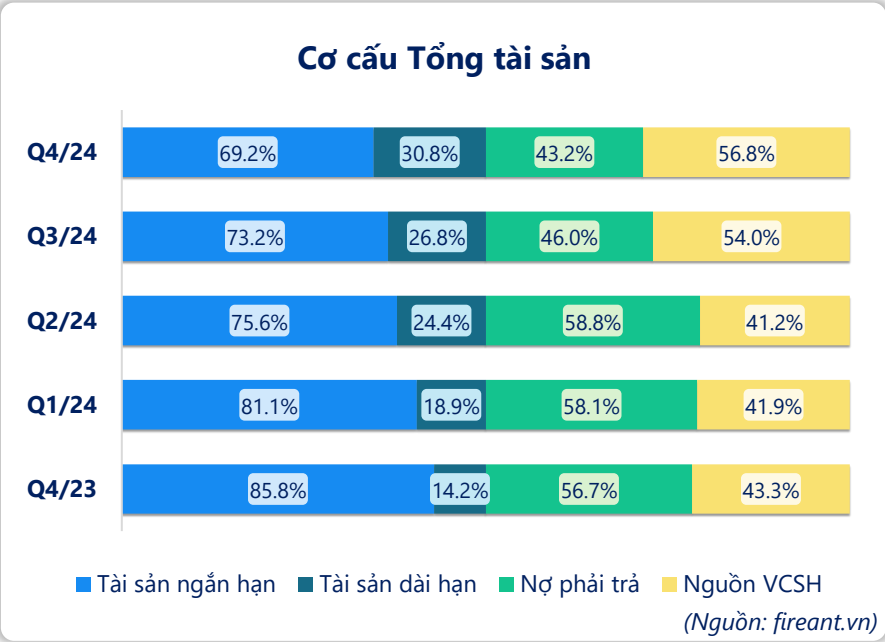
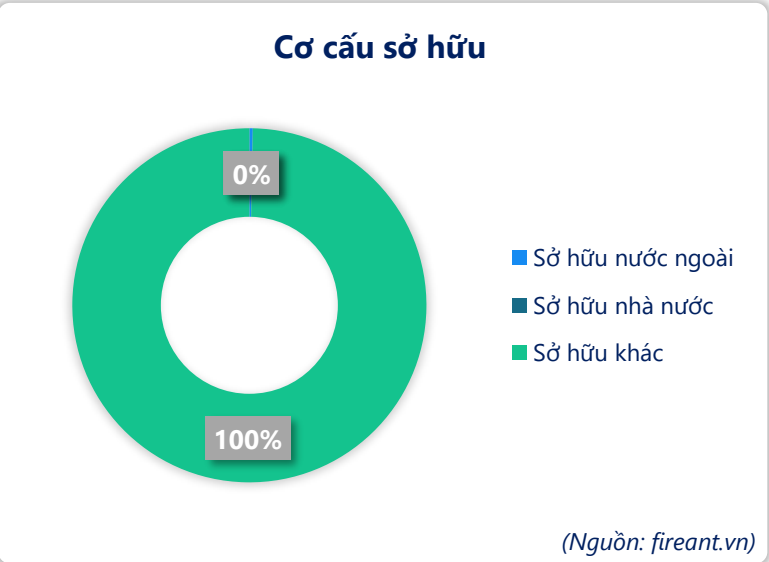
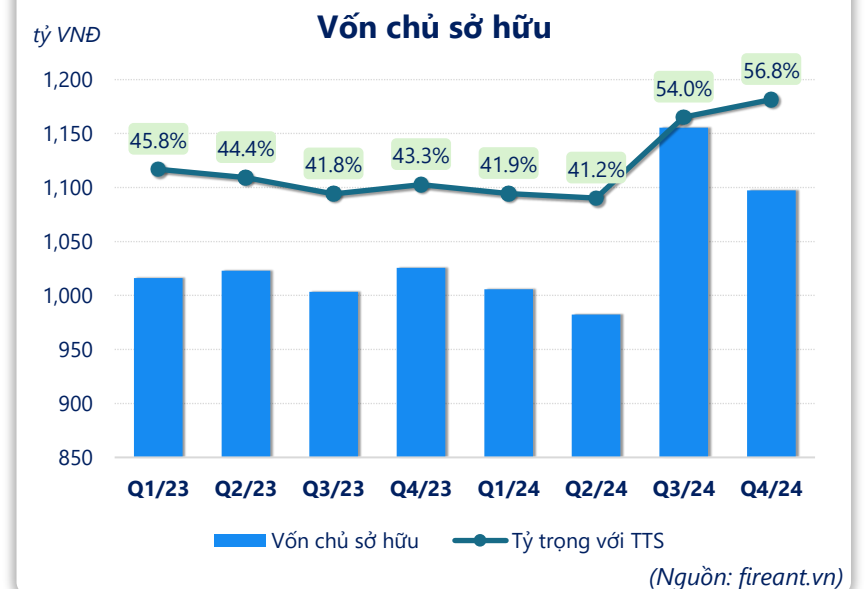
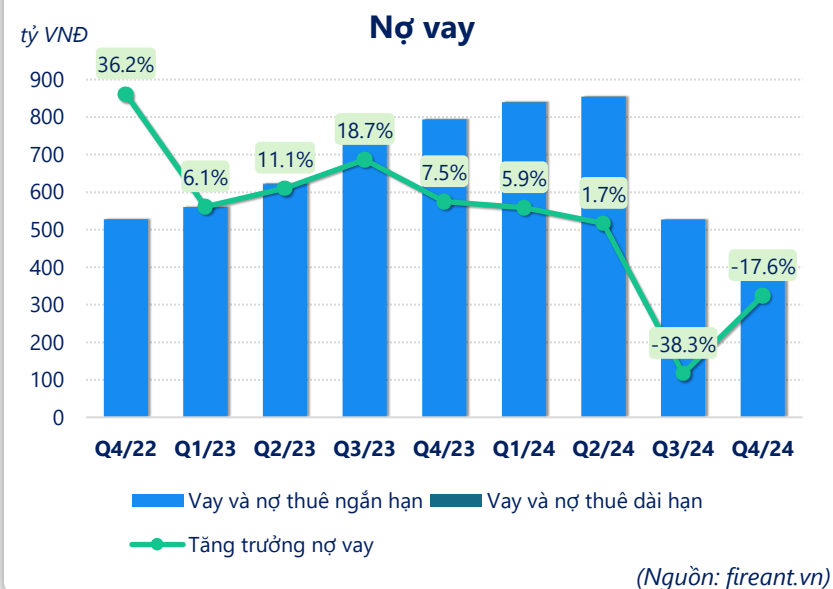
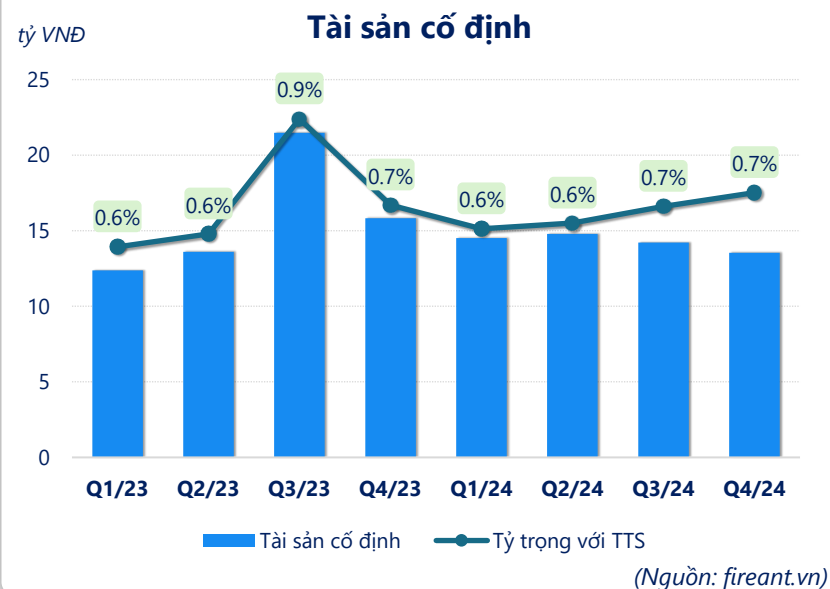
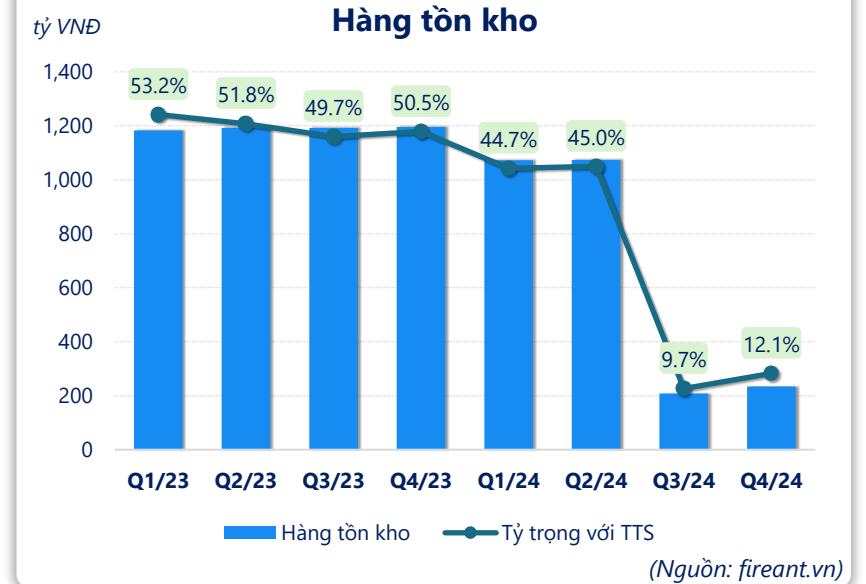
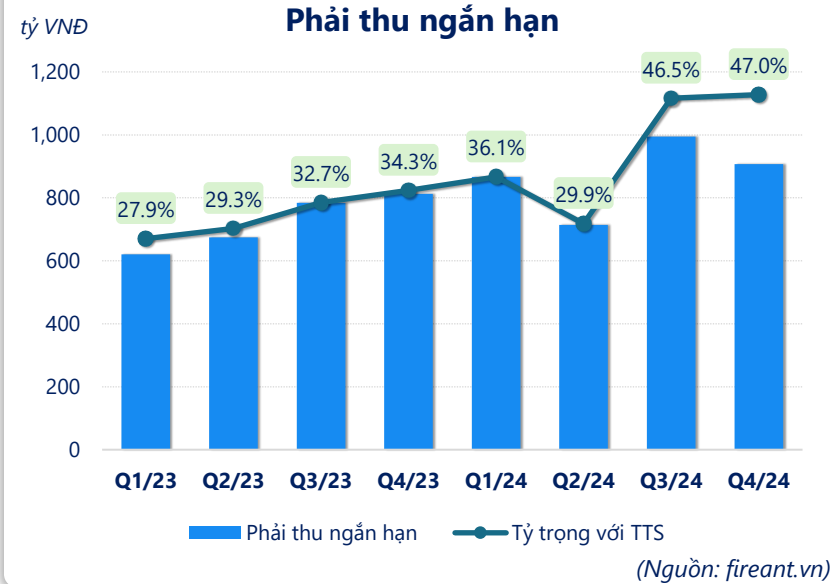
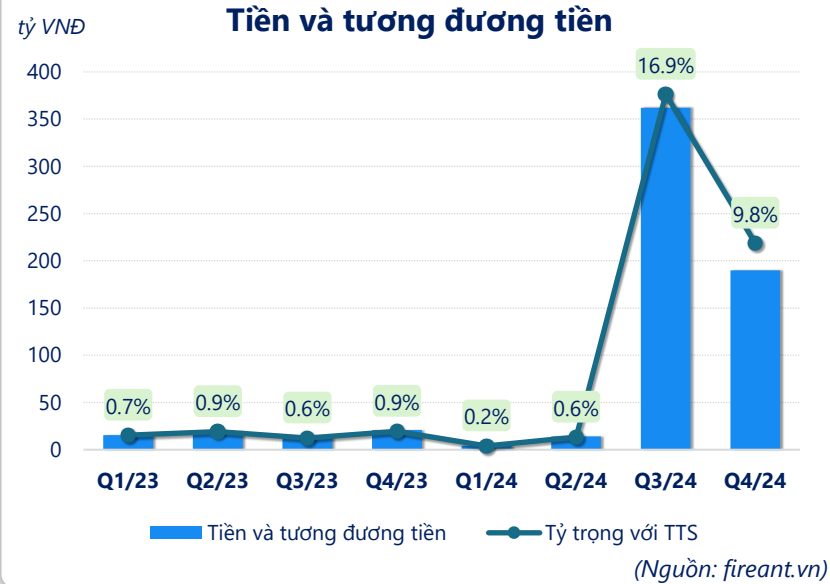
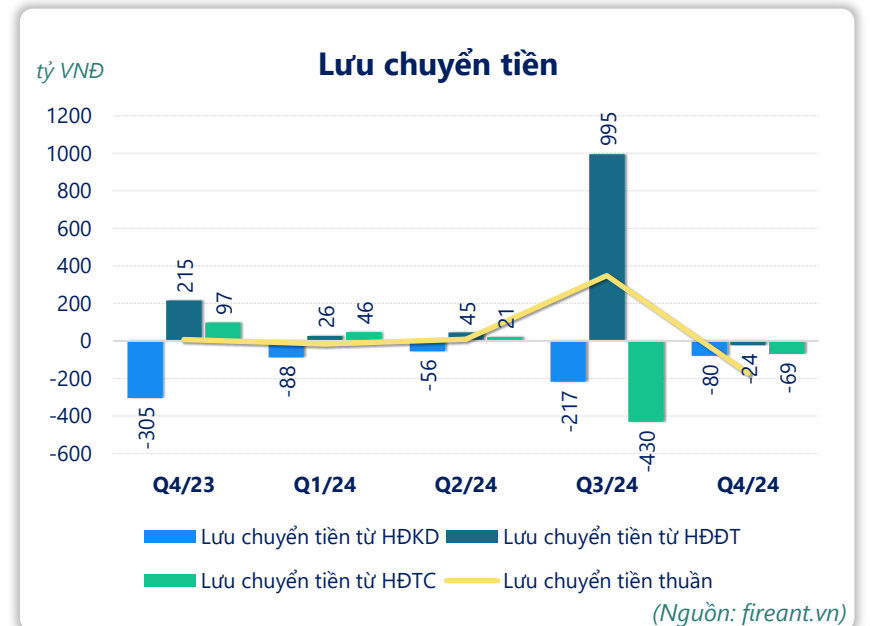
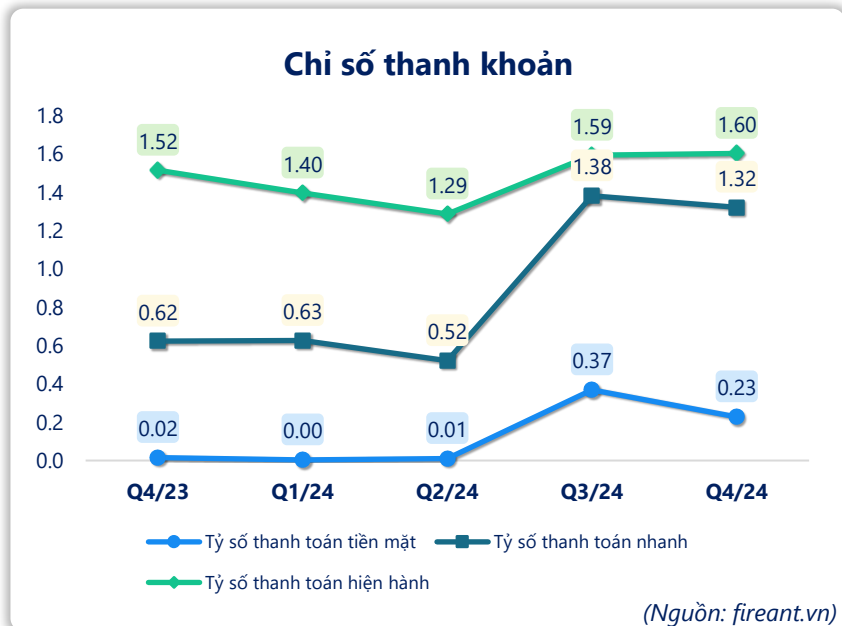
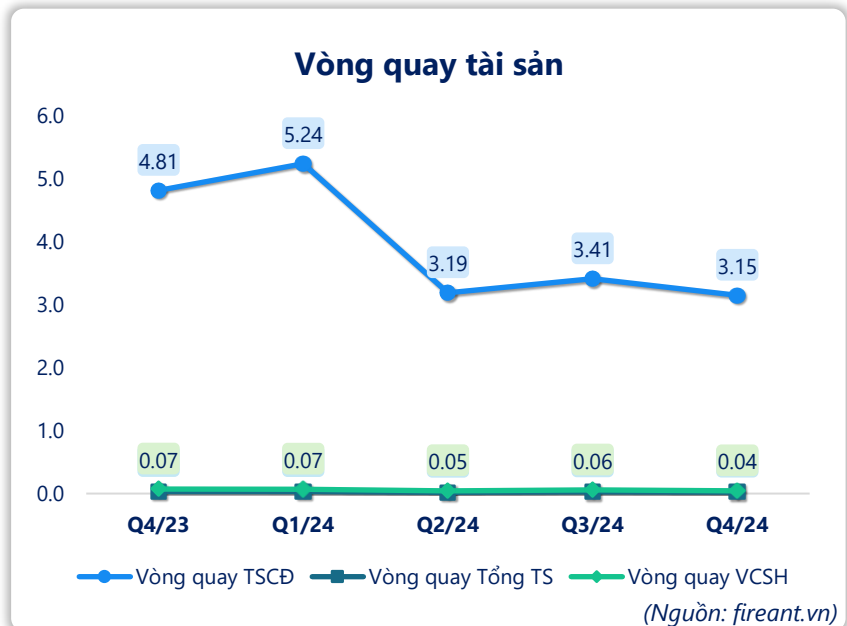
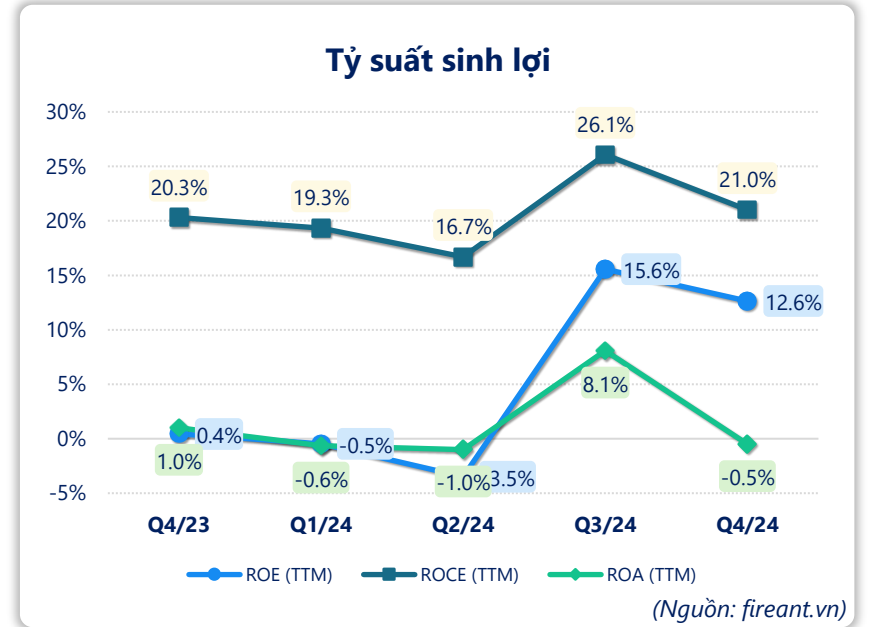
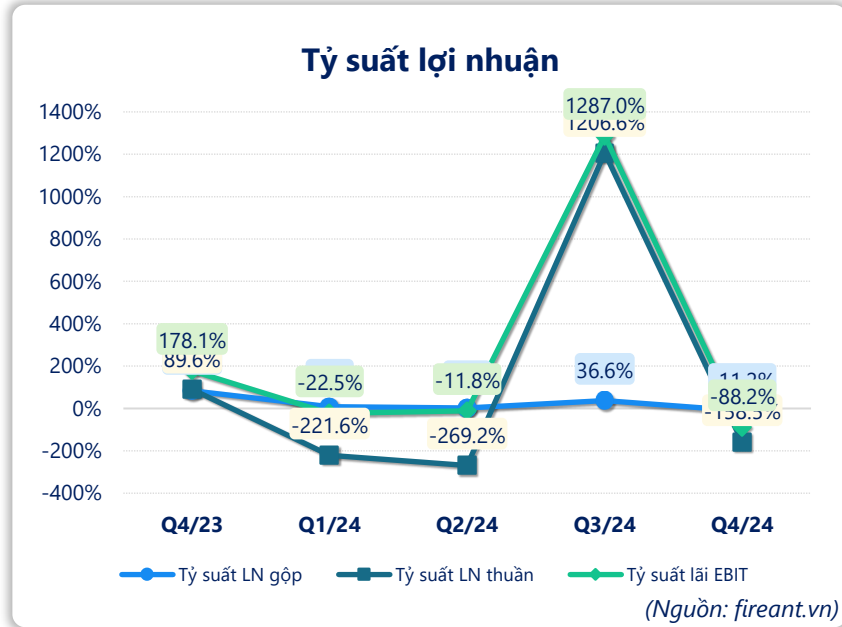
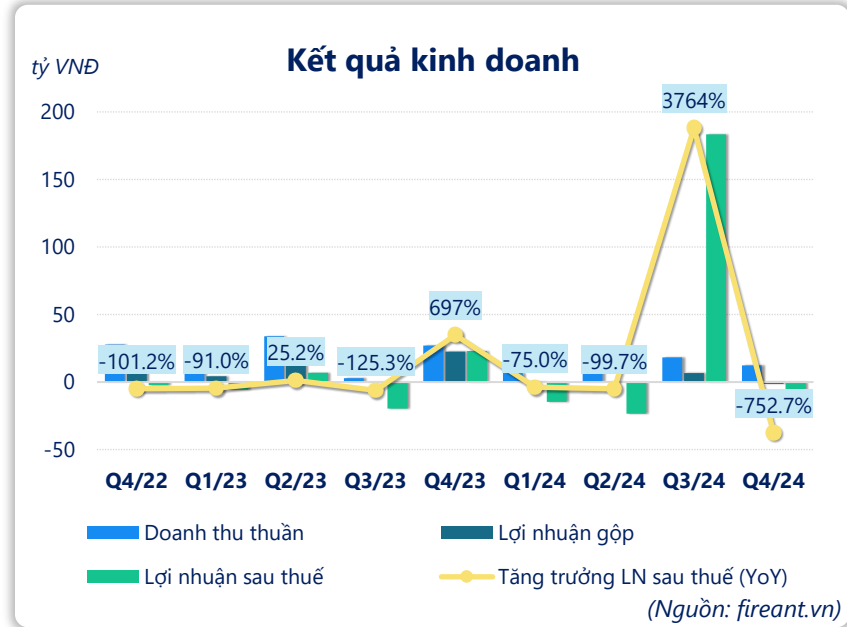


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		7,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,073
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,181
SL cổ phiếu LH		95,357,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		117,125
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		672
P/E		5.0
EPS		1,407

	YTD	1T	3T	6T
VPH		-2.6%	-14.4%	-13.5%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,931	2,366	-18.4%
Tài sản ngắn hạn	1,336	1,908	-30.0%
Tiền và tương đương tiền	190	20.7	818%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.13	0.13	0.0%
Phải thu ngắn hạn	907	813	11.6%
Hàng tồn kho	234	1,072	-78.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.65	1.95	138%
Tài sản dài hạn	595	459	29.6%
Phải thu dài hạn	230	99.7	130%
Tài sản cố định	13.5	15.1	-10.2%
Bất động sản đầu tư	9.46	8.99	5.2%
Tài sản dở dang	138	139	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	133	136	-1.9%
Tài sản dài hạn khác	8.41	11.0	-23.2%
Lợi thế thương mại	62.0	49.7	24.6%
Nợ phải trả	834	1,346	-38.1%
Nợ ngắn hạn	833	1,345	-38.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	434	793	-45.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.75	2.94	-6.6%
Nợ dài hạn	0.31	1.31	-76.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.00	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,097	1,020	7.5%
Vốn chủ sở hữu	1,097	1,020	7.5%
Vốn điều lệ	954	954	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	26.9	6.74	8.83	18.4	12.3
Giá vốn hàng bán	4.49	6.14	8.66	11.7	13.7
Lợi nhuận gộp	22.4	0.60	0.17	6.72	-1.38
Doanh thu HĐTC	43.9	7.70	8.13	356	8.38
Chi phí TC	23.7	13.2	22.0	90.3	13.1
Chi phí lãi vay	23.6	13.2	22.0	14.3	8.61
LN trong công ty LKLD	-0.59	-0.07	-0.09	-0.14	-0.26
Chi phí bán hàng	0	0	0	40.2	0
Chi phí QLDN	17.9	9.96	9.97	10.2	13.1
LN thuần từ HĐKD	24.1	-14.9	-23.8	222	-19.5
Lợi nhuận khác	0.20	0.22	0.73	0.46	0.03
LN trước thuế	24.3	-14.7	-23.0	222	-19.4
Lợi nhuận sau thuế	22.9	-14.8	-23.4	183	-10.9
LNST của CĐ cty mẹ	22.9	-14.8	-23.4	183	-10.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-305	-88.5	-56.4	-217	-79.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	215	25.6	45.4	995	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	97.0	46.5	20.9	-430	-68.6
Tiền đầu kỳ	13.3	20.7	4.29	14.2	362
Lưu chuyển tiền thuần	6.74	-16.4	9.90	348	-172
Ảnh hưởng tỷ giá	0.64	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.7	4.29	14.2	362	190

(Nguồn: fireant.vn)